

Chương 22

HIỀN TÀI

Quyên và Tuấn Anh ngồi uống cà phê trong một nhà hàng cạnh hồ Hoàn Kiếm Hà Nội, đối diện bên kia là đền Ngọc Sơn, cùng với các di tích nổi tiếng khác ven hồ như tháp Rùa, tháp Hòa Phong, đền Bà Kiệu, Thủy tạ, đền thờ vua Lê...

Hồ Gươm không chỉ có di tích kiến trúc mà còn có Rùa thần. Vị Rùa thần cuối cùng của hồ Gươm đã về trời vào đầu năm 2016.

Buổi chiều chủ nhật. Hồ Gươm màu xanh lục. Bầu trời cuối hè xanh trong. Xung quanh đông đúc người đi dạo quanh hồ. 100 triệu người Việt Nam, ai cũng mong muốn có một lần tới Hà Nội và đến thăm hồ Hoàn Kiếm.

Quyên nói với Tuấn Anh:

- Em muốn trao đổi với anh về nội dung hiền tài, liên quan đến việc quản lý kho báu, một trong những vấn đề mà em phải hiểu rõ. Về đào tạo người tài để có người hiền, một lần em đã nói sơ qua với anh khi ta trao đổi về làng khoa bảng. Và hiện em còn nhiều câu hỏi phải trả lời:

Thứ nhất: Môi trường nào thì nảy sinh ra được người tài? Môi trường nào nảy sinh ra người hiền, những người sử dụng nhân nại cái tài của mình cho việc chung?

Thứ hai: Khi có hiền tài thì sử dụng hiền tài như thế nào?

Thứ ba: Một số hiền tài kiệt xuất có thể coi là những người trời. Song làm thế nào biết được họ giáng trần ở đâu mà đến đấy tìm kiếm và sử dụng?

Quyên nói tiếp:

- Về trường học hay môi trường đào tạo người tài, Việt Nam không chỉ có Văn Miếu - Quốc Tử Giám, nơi đào tạo người tài

theo đạo Khổng để làm quan, mà còn có môi trường đào tạo của riêng mình. Em cho rằng, người Việt Nam đào tạo con người khác hẳn người Trung Hoa. Việt Nam đào tạo người tài bắt đầu từ ngôi đình làng. Trung Quốc không có đình làng.

Quyên tiếp tục:

- Trong các tài liệu giảng dạy của Bộ môn, khi nói về ngôi đình, các thầy cô chủ yếu nói về phương diện kiến trúc. Em đọc qua một vài ví dụ để anh thấy:

Một định nghĩa: Đình là một công trình kiến trúc cổ truyền ở làng quê Việt Nam. Đây là nơi thờ Thành hoàng, nơi hội họp thường xuyên và tổ chức lễ hội theo năm của người dân. Trong khi chùa và đền chuộng địa điểm tĩnh mịch, khuất lối, thì đình làng lại được xây dựng tại trung tâm của làng. Bố cục của đình có nét giống bố cục của chùa; cấu trúc xây dựng có nhiều nét tương đồng, chỉ khác biệt là sàn của nhiều ngôi đình bằng gỗ, không đặt trên nền đất...

Một khái niệm khác: Kiến trúc truyền thống vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng ngoài chùa, đền, phủ còn có các ngôi đình. Đây là công trình được người Việt xây dựng công phu, cẩn thận để lưu giữ các báu vật về tinh thần và lực lượng, truyền từ đời này sang đời khác. Đình làng là không gian gắn kết mọi người trong cộng đồng, chặt chẽ đến nỗi, không ai muốn và dám tách ra để sống một mình ngoài cộng đồng.

Quyên tiếp tục giới thiệu:

- Một số đình làng Bắc Bộ nổi tiếng đã được xếp hạng vào di tích quốc gia đặc biệt: Tại Bắc Giang có: Đình Phù Lão, Lạng Giang; Tại Bắc Ninh: Đình làng Đình Bảng, Từ Sơn. Tại Hà Nội: Đình Tây Đằng, Ba Vì; Đình Đại Phùng, Đan Phượng; Đình Tường Phiêu và Đình Hạ Hiệp, Phúc Thọ; Đình làng So, Quốc Oai; Đình Chu Quyến, Ba Vì; Đình làng Mông Phụ, Sơn Tây. Tại Hải Phòng: Đình Kiền Bái, Thủy Nguyên; Đình Hàng

Kênh, Lê Chân. Tại Hưng Yên: Đình Cửu Cao và Đình Đa Ngu, Văn Giang. Tại Vĩnh Phúc: Đình Thổ Tang, Vĩnh Tường; Cụm đình Hương Canh, Ngọc Canh và Tiên Canh, Bình Xuyên. Tại Quảng Ninh: Đình Trà Cổ, Móng Cái. Tại Thái Bình: Đình An Cố, Thái Thụy.

Em đã viết giới thiệu về kiến trúc tất cả ngôi đình trên và đăng trên trang web của Bộ môn. Em cũng đã đến thăm một vài ngôi đình và có nguyện vọng đến thăm tất cả các ngôi đình đặc biệt này.

Quyên dừng lại nhìn Tuấn Anh và tiếp tục:

- Em cho rằng, những định nghĩa và khái niệm nói trên về đình làng Việt chưa đủ. Khi viết giới thiệu về các ngôi đình làng Việt, em thấy cần phải bổ sung rằng: Đình làng Việt giống như một trường học. Bài giảng được khắc trên kết cấu gỗ của đình. Thầy giáo là các bậc cao niên trong làng. Người học là tất cả thành viên của cộng đồng làng, không trừ một ai.

Các bài giảng là những mảng chạm khắc trang trí nghệ thuật trên những chi tiết kết cấu như đầu dư, xà, bẩy, rường, cửa vồng... và trên các đồ vật như ban thờ, lư hương, sắc phong, hương án, hoành phi, câu đối, kiệu thờ, chuông, khánh...

Các bài giảng này thể hiện mong ước: Về một thế giới vật chất và tinh thần hòa hợp, không thể chia cắt; Về một xã hội an lành và tốt đẹp cho tất cả mọi người; Về những cung bậc tự do, hạnh phúc của một đời người, từ đời sống thường nhật, hoạt động kinh tế, xã hội, văn hóa đến tự do về tư tưởng hay tín ngưỡng để soi sáng thế giới.

Các bài giảng này thể hiện kiến thức mà ta không phải đến Văn Miếu mới học được: Đạo đức làm quốc gia hưng thịnh và hòa bình; Đối xử với nhau trên cơ sở tình thương yêu, độ lượng; Tôn kính tổ tiên, ông bà, cha mẹ và tôn trọng phong tục, tập quán, tín

ngưỡng của cộng đồng; Hiểu được đạo lý, lẽ phải, mệnh trời trong đó có trung với vua, với nước; Giữ trọng danh dự, chăm chỉ, tiết kiệm, dũng cảm, ghét sự tàn ác và cái gì thái quá.

Các bài giảng này có nội dung từ hết sức nghiêm túc theo quy tắc truyền thống đến các nội dung trào lộng mang tính dân gian; được lan truyền không ngắt quãng giữa các thế hệ định cư trong làng. Nội dung mà các bài giảng trong Văn Miếu không bao giờ có được.

Quyên tiếp tục:

- Chúng ta đều biết, chữ Quốc ngữ được hình thành bởi các tu sĩ Dòng Tên hay còn gọi là Dòng Chúa Giêsu trong quá trình truyền đạo Công giáo tại Việt Nam đầu thế kỷ XVII. Trước đó, người Việt sử dụng chữ Hán và chữ Nôm. Trước khi có chữ Quốc ngữ, phần lớn người Việt không biết chữ. Chính vì vậy, các bài giảng không phải bằng chữ mà bằng các bức chạm khắc là rất phù hợp với đa số người dân Việt sống tại vùng nông thôn.

Các bài giảng này cơ bản gồm 3 nhóm nội dung: Cảnh cõi trần và cõi tiên; Cảnh tự nhiên và Cảnh sinh hoạt đời thường.

Về cảnh cảnh cõi trần và cõi tiên: Các chạm khắc phản ánh con người và tự nhiên là một, cõi trần và cõi tiên là một. Nhiều hình tượng cô tiên dang tay như dang cánh, như đang đậu xuống cõi trần để hưởng niềm vui tại hạ giới. Có nhiều bức chạm miêu tả cảnh người nhà trời cuội rờng xuống trần thế hay cũng có thể là một nhân thần cuội rờng bay lên trời.

Về cảnh tự nhiên: Các chạm khắc mô tả từ những loài linh vật như long, ly, quy, phụng, đến các con vật như hươu, nai; các loài vật gần gũi với người như voi, ngựa, lợn, chó, mèo, khỉ, chuột đồng, rắn, kỳ đà, thằn lằn, cáo, chồn, chim, cá...; những con vật gắn các sự tích như cá chép hóa rồng. Trong đó, hình tượng rồng như ổ rồng, đầu rồng, rồng múa, rồng châu...

thường chiếm một vai trò chủ đạo. Trong đình còn có các bức chạm họa tiết loại cây tứ quý như mai, cúc, trúc, tùng, đến hoa sen, cây cỏ có hình dạng hình tia lửa, mây cuộn với bố cục đan xen linh vật, con người.

Về cảnh sinh hoạt đời thường: Các chạm khắc thể hiện hầu hết hoạt động hàng ngày của các tầng lớp quan lại, sỹ, nông, công, thương với những cảnh như vinh quy bái tổ, lễ hội, nộp thuế cho nhà quan, săn bắn, tát nước, dựng cột buồm, đánh cò, uống rượu, đấu vật, chọi gà, cuội voi, cuội hổ, gảy đàn, hát múa, tắm tiên, đánh ghen, tình tự; cả những phong tục tập quán như cảnh mà táng hàm rồng...

Kích thước người trong các bức chạm khắc cũng rất khác nhau, người to thì từ 20 - 25 cm, người nhỏ thì lại chỉ có 1 - 2 cm, làm cho các bức chạm khắc sinh động như thế giới bên ngoài vậy.

Quyên cho rằng:

- Vị thầy trong giảng đường này là những thế hệ bô lão trong làng, đời này sang đời khác. Họ chỉ các bức chạm khắc và giải thích cho con cháu nội dung của từng bức chạm. Đa số thanh niên trong làng, biết chữ hay không biết chữ, khi vào đời đều hiểu rõ về cảnh cõi trần và cõi tiên, hiểu về thế giới tự nhiên thần bí xung quanh và thế giới đời thường mà ta đang sống. Có lẽ cũng từ đây, con vật không thể chứng minh bằng thực chứng là con rồng trở nên quen thuộc với hầu hết người Việt.

Từ nền tảng văn hóa vững chắc này, người Việt tiếp tục học thêm các kiến thức khác để đơm hoa, kết trái được vô số người tài, người hiền đích thực trong thiên hạ và góp phần tạo ra bản sắc văn hóa riêng biệt của người Việt với đủ mọi cung bậc của đời người: Lãng mạn, bi kịch, thuần phong mỹ tục, nhẫn nại, ly biệt, sum họp...

- Lập luận này là thuyết phục. Tuấn Anh nói.

Quyên nhìn Tuấn Anh cười và hỏi:

- Do không được đào tạo trong môi trường gắn với đình làng, nên dẫn đến một tình huống là anh sẽ trả lời thế nào khi con anh hỏi: Bố ơi, có con rồng không?

- Cũng khó thật, vì mình quá biết làm gì có rồng. Đành phải nói thật.

- Con anh lại hỏi tiếp: Rồng không có thật, vậy trong sách nói rằng, vua nhìn thấy rồng bay lên, đặt tên kinh đô là Thăng Long. Vậy, tên Thăng Long là nói dối hả bố? Thì anh trả lời thế nào?

- Thật sự anh cũng không biết trả lời thế nào.

- Hay là anh quát nạt con anh rằng: Hỏi vớ hỏi vẩn. Hãy tập trung vào bài tập mà cô giao cho trên lớp.

- Anh không đến nỗi như thế. Song quả thật anh không biết trả lời như thế nào.

Quyên cười và nói:

- Cứ trả học phí đi, thì em bày cho.

- Được, anh sẽ mời các bạn trẻ của Bộ môn em một bữa.

Quyên cười và nói:

- Ghi nhận lời mời và sẽ chuyển lời mời tới các bạn trẻ của Bộ môn.

Cô cười và giảng giải:

- Con rồng là có thật. 100 phần trăm là thật, theo nghĩa của một giấc mơ. Thực tế có vô vàn con vật. Con nào cũng có điểm yếu và điểm mạnh. Con biết bơi thì lại không biết bay. Con có móng vuốt sắc, song cơ thể lại chỉ có lớp lông mềm bảo vệ. Nhiều con to lớn, mạnh mẽ song chỉ sống được vài chục năm... Con rồng là mơ ước của con người về một con vật đại diện cho chính mình, cho dân tộc của mình với sự tích hợp điểm mạnh của muôn loài và có đời sống trường tồn hơn tất cả muôn

loài. Vua Lý Công Uẩn nhìn thấy rồng bay lên và đặt tên kinh đô Thăng Long là chuyện có thật 100 phần trăm. Nó thể hiện giấc mơ vĩ đại của chính nhà vua về con rồng với sức mạnh vô song, trường tồn. Sức mạnh đó đã bắt đầu và đang trở thành hiện thực từng phần. Điều quan trọng hơn cả là hàng triệu người dân Đại Việt đều có chung giấc mơ đó.

Tuấn Anh nói:

- Anh đã hiểu và có thể trả lời câu hỏi của con trẻ về rồng: Con rồng là có thật theo nghĩa của một ước mơ. Con chắc cũng có nhiều ước mơ. Ước mơ đó là có thật. Con rồng là ước mơ của ông, bà, bố, mẹ và nhiều người khác về những điều mạnh mẽ. Sau này, con cũng sẽ có những ước mơ tương tự. Bố luôn mong được chia sẻ với con về những ước mơ đẹp đẽ đó.

Quyên cười và nói:

- Anh cũng thuộc lớp người học nhanh và thực hành ngay được.

*

* *

Quyên dùng nghỉ một lúc và tiếp tục:

- Về sử dụng người hiền tài, Việt Nam có vô số bài học. Song em muốn đọc cho anh nghe về một ví dụ nổi bật là đền Ngọc Sơn, tại hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quyên mở máy tính, tra cứu và đọc cho Tuấn Anh nghe những thông tin về đền Ngọc Sơn.

Khi dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La, năm 1010, vua Lý Thái Tổ đặt tên ngôi đền đã có tại đây là Ngọc Tượng và đảo được gọi là Ngọc Tượng Sơn. Đến đời nhà Trần, đền được đổi tên thành Ngọc Sơn, là nơi thờ những anh hùng liệt sỹ trong kháng chiến chống Nguyên - Mông (vương triều Trung Quốc, tồn tại năm 1271 - 1368). Lâu ngày đền ấy sụp đổ. Đến thời nhà Lê - Trịnh, chúa Trịnh đã dựng cung Thụy Khánh và đắp núi

Độc Tôn ở trên bờ phía Đông đối diện với đền Ngọc Sơn. Cuối đời nhà Lê, cung bị Lê Chiêu Thống (vua cuối cùng của vương triều Hậu Lê, trị vì 1786 - 1789) phá hủy. Một nhà từ thiện, nhân nần cung cũ đã lập ra một ngôi chùa gọi là Chùa Ngọc Sơn, sau đổi thành Đền Ngọc Sơn, vì trong đền chỉ thờ thần Văn Xương Đế Quân (vị thần chủ về công danh, phúc lộc của giới nhân sĩ) và Đức Thánh Trần Hưng Đạo. Đến năm 1865, nhà nho Nguyễn Văn Siêu (năm 1799 - 1872) đứng ra tu sửa lại đền. Đền mới sửa được đắp thêm đất và kè đá xung quanh, xây Tháp Bút, Đài Nghiên, Đình Trấn Ba, bắc một cầu từ bờ Đông đi vào gọi là Cầu Thê Húc.

Quyên dừng đọc và nói:

- Có hai chi tiết tại Đền Ngọc Sơn liên quan đến việc sử dụng hiền tài, đó là Tháp Bút và Đình Trấn Ba.

Quyên chỉ cho Tuấn Anh Tháp Bút và đọc tiếp:

- Tháp Bút được xây dựng trên núi Độc Tôn. Núi được xếp bằng đá, đường kính 12 m, cao 4 m. Tháp vuông, có 5 tầng, cao 28 m. Đỉnh tháp hình ngọn bút lông, thân tháp có khắc ba chữ "*Tả Thanh Thiên*" (Viết lên trời xanh). Trên thân tháp, có khắc những câu trong bài "*Bút Tháp chí*" do Nguyễn Văn Siêu soạn năm 1865, thể hiện chí khí của các bậc hiền tài đương thời: "...*Tháp nhờ Núi mà cao thêm, Núi nhờ Tháp mà truyền mãi, Núi là biểu tượng của Chiến công mà Tháp là biểu tượng của Văn hóa. Cả hai cái đó dựa vào nhau mà tồn tại...*", với hàm ý: Nếu Võ công và Văn trị hòa hợp được với nhau thì nước Việt có thể tồn tại mãi trong sự xanh của trời.

Quyên dừng một chút rồi tiếp tục đọc:

- Đình Trấn Ba (Chấn Sóng) nằm tại phía Nam của quần thể Đền Ngọc Sơn. Tên của đình có nghĩa: Hiền tài Võ công và Văn trị như những trụ cột che chắn cho quốc gia đứng vững trước

bể sóng chao đảo của thời cuộc. Đây cũng là điều ghi trong câu đối trên cột đình: “Kiểm soát khí thiêng ngời tựa nước; Văn cùng trời đất thọ như non”. Đình Trấn Ba thêm một lần nhắc nhở những điều ghi trên Tháp Bút ngoài cổng đền.

Tuấn Anh suy nghĩ một lúc rồi hỏi:

- Trong lịch sử giành độc lập của Việt Nam, triều đại nào cũng mong muốn quy tụ những người hiền tài cả về võ công và văn trị. Vậy ngôi đền này chỉ là một trong những công trình lưu giữ lại mong muốn đó.

- Đúng vậy, song đây là trường hợp đặc biệt. Khi rơi vào trường hợp đặc biệt người ta mới nhớ, mới làm rõ.

Vào năm 1865, khi nhà nho Nguyễn Văn Siêu đứng ra tu sửa lại đền, Thăng Long chỉ còn là cố đô. Kinh đô nước Việt vào thời nhà Nguyễn (tồn tại năm 1802 - 1945) đã chuyển vào Huế. Một số nhân tài theo vào Huế. Một số khác còn ở lại. Đền Ngọc Sơn có thể là một biểu tượng về sự luyến tiếc của một số chí sĩ Bắc Hà không có điều kiện ra giúp nước. Song cũng có thể là sự nhắc nhở, cảnh báo rằng: Nhân tài đang dần bị quên lãng và nhiều người trong số họ đang ẩn tàng. Và lời cảnh báo này sau đó thành hiện thực. Người hiền tài thưa vắng. Khi có họa ngoại xâm, đất nước lại rơi vào vòng lệ thuộc. Nhà Nguyễn chỉ tồn tại được 143 năm.

Quyên dừng lại và kết luận:

- Sự tích Hồ Gươm liên quan đến việc sử dụng Kiếm thần trong kho báu. Còn Đền Ngọc Sơn, có thể nói là một công trình liên quan đến việc sử dụng người hiền tài.

- Anh cũng nghĩ như em vậy.

*

* *

Quyên tiếp tục nêu những suy nghĩ của mình:

- Đền Ngọc Sơn là công trình ra đời trong bối cảnh còn có người hiền tài cũ để mà thu hút, sử dụng. Song người Việt cũng đã nhận thấy từ sớm, là phải tìm kiếm những người hiền tài mới cho một giai đoạn mới.

Tuấn Anh nhìn Quyên và cũng cảm thấy điều này có gì đó cuốn hút mạnh mẽ.

Quyên dừng lại một chút rồi nói:

- Việc thu hút người hiền tài trong giai đoạn hiện tại đã khó, song việc thu hút hiền tài kiệt xuất cho giai đoạn hàng trăm năm sau lại càng khó hơn. Với mục tiêu tìm kiếm này, yếu tố tiên tri có vai trò đặc biệt quan trọng.

Quyên nhìn Tuấn Anh và hỏi:

- Anh có biết Đình Hoàn Sơn, di tích quốc gia đặc biệt tại Nam Đàn, Nghệ An không?

- Anh không biết.

Em đọc anh nghe về ngôi đình đặc biệt này nhé:

- Đình Hoàn Sơn, thuộc xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, Nghệ An, được dựng vào năm 1763. Đình có cấu trúc xây dựng tương tự như các ngôi đình khác tại vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Song tại đây có một bức chạm nổi bật, mà các đình nổi tiếng trên không hề có. Đó là bức chạm "*Câu hiền*", miêu tả một ông quan dắt ngựa, chấp tay lom khom đi tìm người hiền trong thiên hạ. Cảnh đó là một phụ nữ làng quê đang ngồi tò mò quan sát, vì chẳng biết vị quan kia tìm gì.

Đây chỉ là ngôi đình của một làng nhỏ, song tại sao lại có bức chạm mang tính triết lý tầm quốc gia như vậy?

Có truyện kể rằng, vị Đốc công xây dựng đình thuộc dòng dõi thế tộc, có uy quyền rộng. Để xây dựng đình, ông cho mời những nhóm thợ nổi tiếng nhất vùng. Mỗi gian đình do một

nhóm đảm nhận. Lúc bấy giờ đình đã tạo gần xong chỉ còn lắp dựng. Có một toán thợ từ Kinh đô đi ngang qua. Họ bày mưu cử một người thợ giỏi nhất giả dạng ăn mày đến chỗ dựng đình xin ngủ lại, rồi cố tình làm cháy một bộ vì kèo với các bức chạm khác. Vị Đốc công vô cùng tức giận. Người ăn xin mong được làm lại. Chỉ trong một thời gian ngắn, người này đã làm mới một bộ vì kèo với những bức chạm tuyệt đẹp khiến cả Hội đồng kỳ mục của làng phải kinh ngạc và thán phục. Sau này, người dân suy tôn vị Đốc công và người thợ giả danh ăn xin thành những vị phúc thần của làng. Truyền thuyết này xuất hiện nhằm giải thích rằng, bức chạm "*Câu hiên*" là do các nghệ nhân tầm quốc gia thực hiện theo một cách tình cờ.

Trong Kho tàng chuyện kể dân gian xứ Nghệ, lại có truyện kể khác: Sự ra đời của Đình Hoàn Sơn bắt đầu từ một đêm mưa lụt, nước sông Lam dâng rất cao và cuốn về đây những cây gỗ 3 - 4 người ôm không xuể. Tiếp đó, xuất hiện 9 người đàn ông, lấy các cây gỗ, làm liên tục trong vòng 3 năm, tạo dựng nên một ngôi đình đồ sộ với các bức chạm khắc công phu, tinh xảo. Xong việc họ đi mất, có lẽ lên Trời. Không rõ những người nhà Trời dựng ngôi đình tại làng quê hẻo lánh này nhắn gửi thông điệp gì cho nhân gian, mà trong đó lại có bức chạm khắc "*Câu hiên*".

Đình Hoàn Sơn quay về phía Đông bắc, rất ít thấy trong bố cục các ngôi đình tại miền Bắc Việt Nam. Theo hướng của đình, sang qua bên kia sông Lam thì tới xã Kim Liên, Nam Đàn. Bức chạm "*Câu hiên*" như một tiên tri về 100 năm sau tại đó sẽ xuất hiện một vị hiền tài kiệt xuất - Lãnh tụ Hồ Chí Minh. Liệu đây có thể là sự tình cờ? Không thể.

*

* *

Quyên tìm kiếm thông tin và báo:

- Có một dòng bình luận đáng chú ý về tầng lớp lãnh đạo, em đọc anh nghe: Có người tài trong tổ chức để sai khiến đã là một việc khó. Song tìm kiếm được hiền tài trong thiên hạ để cùng bàn bạc, nghĩ và làm theo một tầm nhìn mới, một chủ thuyết mới lại là một chuyện khác hẳn.

Quyên dùng đọc và kết luận:

- Nhớ đến bài giảng của thầy về mối tương quan giữa kho báu và người hiền tài, em cho rằng: Lịch sử Việt Nam ta có thể nói là lịch sử của một quá trình đào tạo, tìm kiếm và sử dụng hiền tài. Phải thật sự công phu và cầu thị. Tương tự như việc cất giữ và sử dụng kho báu vậy.

- Anh thấy cũng có lý!. Tuấn Anh phụ họa.

Quyên nhìn Tuấn Anh và hỏi:

- Người tài là người có thể làm những việc mà người bình thường không làm được; người tạo ra các giá trị gia tăng mà những người bình thường không tạo ra được. Việt Nam hiện có nhiều người tài trong khắp các lĩnh vực. Hỏi vui một chút: Trong tương lai, anh có thuộc người tài trong lĩnh vực của anh không?

Tuấn Anh nhìn Quyên, nói:

- Lần đầu tiên, anh được nhận một loại câu hỏi như vậy. Anh chưa bao giờ nghĩ đến điều này. Thời đại học, anh luôn thuộc nhóm sinh viên có kết quả học tập hàng đầu. Khi ra trường, xin ngay được việc làm tại một công ty lớn của nước ngoài. Anh luôn được đánh giá là người có ý thức tự giác cao, làm việc hiệu quả và lãnh đạo công ty ưu ái. Song, thật sự chưa bao giờ anh nghĩ mình là một người tài.

- Vì khiêm tốn chẳng?

- Không phải, mà là vì xung quanh nhiều người giỏi quá. Nếu so với mấy vị lãnh đạo của công ty anh, khi bằng tuổi họ,

chắc chắn anh không tài bằng họ. Anh mà làm việc trong Bộ môn của em, chắc chắn cũng không dám nghĩ trở thành người tài, vì không thể giỏi bằng em, một người có trí tưởng tượng phong phú, luôn chú ý đến tận chi tiết, khi đã cam kết thực hiện điều gì thì kiên trì theo đuổi để hoàn thành, giỏi tổ chức, sắp xếp công việc và tràn đầy năng lượng.

- Anh chỉ khéo nịnh phụ nữ. Trở thành người tài là cơ hội để ta vươn đến tự do và kết nối được với nhiều con người tài giỏi. Anh cũng phải thay đổi. Em biết bố mẹ anh trông chờ vào anh như thế nào.

Cô nói tiếp:

- Em phải trở thành người tài trong lĩnh vực của em. Làm nghề giáo, phải có kiến thức để truyền dạy. Sinh viên vào trường như một tờ giấy trắng. Bức tranh đẹp hay xấu trên đó có một phần lớn trách nhiệm của người thầy. Nếu không phải là người tài thì không nên làm thầy giáo trong trường đại học.

Cô lại bảo:

- Anh và em phải trở thành người tài, song người hiền, thì thật sự là phúc phận. Phúc phận đến từ hai phía: Đầu tiên, phải hết lòng dùng cái tài của mình phụng sự việc chung, để có điều kiện trở thành người hiền; Tiếp đó, phải có môi trường mà trong đó lãnh đạo quốc gia, tổ chức là những người hiền, cầu hiền và biết sử dụng người hiền. Thiếu một trong hai thứ đó, giấc mơ hiền tài của anh và em mãi không bao giờ thành hiện thực.

Tuấn Anh nghe Quyên nói và nghĩ thầm: Để trở thành người tài, chứ chưa nói đến người hiền như mong muốn của Quyên, mình đã thấy quá nhiều thách thức. Trước hết là việc không ngại nghĩ cho đến khi thực hiện trọn vẹn cam kết. Tiếp đó, đã nhiều năm nay, dần hình thành một thói quen, là luôn cảm thấy như không thể suy nghĩ thêm được gì nữa khi có nhiều áp lực. Có lẽ

phải sớm thay đổi. Nếu không trở thành người tài, thì chẳng bao giờ thực sự có được Quyên. Vĩnh viễn chỉ là ảo tưởng.